

PHÂN TÍCH NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN HỖ TRỢ TIỀN MẶT HOẶC HIỆN VẬT TỪ CON CÁI CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VIỆT NAM THEO KHU VỰC

Nguyễn Thị Hồng Điệp¹, Lê Thị Hạnh², Nguyễn Thị Nhung²

TÓM TẮT

Thu nhập của người cao tuổi có thể có từ nhiều nguồn khác nhau: tham gia lao động; các khoản hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước; hỗ trợ từ con cái; và các khoản lợi tức. Tuy nhiên, khi tuổi cao sức khỏe giảm sút, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng lên, nhu cầu tài chính của người già cần đảm bảo. Nghiên cứu này nhằm đánh giá ngắn gọn các nhóm yếu tố tác động đến trụ cột an sinh thu nhập cho người cao tuổi là nhận hỗ trợ tiền mặt hoặc hiện vật từ con cái của người cao tuổi. Nghiên cứu sử dụng mô hình Propit phân tích nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nhận hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật từ con cái cho cha mẹ là người cao tuổi ở Việt Nam theo khu vực nông thôn, thành thị, từ nguồn số liệu điều tra biến động dân số năm 2021 của Tổng cục thống kê.

Từ khóa: Người cao tuổi, nhận hỗ trợ từ con cái, Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Florence Bonnet, Uma Rani and Marianne Furrer (2016), thu nhập của người cao tuổi có thể từ nhiều nguồn, cụ thể là từ 4 nguồn chính: tham gia lao động; các khoản của ngân sách chi trả; các khoản chia sẻ của người thân trong gia đình; thu nhập từ các nguồn khác (lãi tức, cổ tức, thu từ cho thuê tài sản, đất đai...). Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cho người cao tuổi (NCT) Việt Nam theo khu vực thành thị, nông thôn [8].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng số liệu từ Điều tra biến động dân số (ĐTBDĐDS) năm 2021.

Mẫu ĐTBDĐDS năm 2021 được chọn theo phương pháp phân thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1, từ danh sách địa bàn điều tra của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, chọn ra 7640 địa bàn. Sau đó, phân bổ đều mỗi tỉnh thành điều tra 120 địa bàn, riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh điều tra 160 địa bàn. Giai đoạn 2, chọn ngẫu nhiên 40 hộ/địa bàn để điều tra, có 305.600 hộ (chiếm 1,12% tổng số hộ của cả nước), trong đó có 148.413 NCT (chiếm 1,18% tổng số NCT của cả nước), đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ NCT cả nước [5].

Nghiên cứu vận dụng mô hình Probit để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT Việt Nam theo khu vực nông thôn, thành thị.

Sử dụng phần mềm STATA 12 làm sạch số liệu và ước lượng nhân tố ảnh hưởng tỷ lệ nhận hỗ trợ tiền mặt hay hiện vật từ con cái của NCT Việt Nam theo khu vực.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthihongdiep@hdu.edu.vn

² Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trường Đại học Hồng Đức

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhân tố ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ bằng tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT theo khu vực

Dân số Việt Nam tại thời điểm 01/4/2021 có 98,28 triệu người, trong đó số lượng NCT là 12,58 triệu người (chiếm 12,8% tổng dân số), có 4,62 triệu NCT sống ở khu vực thành thị (chiếm 36,72% tổng số NCT) và 7,96 triệu NCT sống ở khu vực nông thôn (chiếm 63,28% tổng số NCT) [4].

Bảng 1. Tỷ lệ người cao tuổi theo khu vực sống và giới tính

Nhóm tuổi	Thành thị		Nông thôn	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
60 - 64	45,81	54,19	45,06	54,94
65 - 69	43,71	56,29	42,82	57,18
70 - 74	41,30	58,70	42,93	57,07
75 - 79	42,31	57,69	38,75	61,25
Từ 80 trở lên	37,07	62,93	33,48	66,52
Tổng	43,05	56,95	41,67	58,33

(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra biến động dân số 2021)

Bảng 2. Kết quả ước lượng của mô hình probit về nhân tố ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ bằng tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT theo khu vực (%)

Biến số	Thành thị	Nông thôn
<i>Yếu tố nhân khẩu học</i>		
<i>Nhóm tuổi</i>		
60 - 69 (nhóm tham chiếu)	-	-
70 - 79	0,0362	0,0074
≥ 80	0,0425*	0,050*
<i>Giới tính</i>		
Nam (nhóm tham chiếu)	-	-
Nữ	0,0567*	0,0206*
<i>Trình độ học vấn</i>		
Dưới THPT (nhóm tham chiếu)	-	-
Trên THPT	0,0245	0,0041
<i>Tình trạng hôn nhân</i>		
Chưa từng kết hôn, khác (nhóm tham chiếu)	-	-
Có vợ/chồng	0,4269***	0,4071***
Goá/ly thân, ly dị	0,4298***	0,3937***
<i>Tình trạng sức khỏe</i>		
Tốt (nhóm tham chiếu)	-	-
Yếu	0,0298**	0,0657**
<i>Làm việc</i>		
Không làm việc (tham chiếu)	-	-
Đang làm việc	-0,1382***	-0,0813***
<i>Yếu tố gia đình</i>		

<i>Hộ nghèo</i>		
Nghèo (nhóm tham chiếu)	-	-
Không nghèo	0,0312	0,0031
<i>Hoàn cảnh sống</i>		
Sống một mình (nhóm tham chiếu)	-	-
Sống cùng vợ/chồng	0,1672**	0,0705**
Sống cùng con cháu	0,1892**	0,1579**
<i>Yếu tố xã hội và cộng đồng</i>		
<i>Tham gia hoạt động xã hội</i>		
Không (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0214	0,0135
<i>Vị thế NCT trong cộng đồng</i>		
Không (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0478	-0,0498
<i>ASXH và hiểu biết quyền lợi dành cho NCT</i>		
<i>Lương hưu, phúc lợi xã hội</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0338*	-0,0741***
<i>Bảo hiểm y tế</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0483	0,0105
<i>Kiến thức về quyền lợi giành cho NCT</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	0,0394	0,0419

Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%
(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra BDDS 2021)

Ảnh hưởng của nhóm yếu tố nhân khẩu học

Tuổi càng cao thì tỷ lệ người già nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái càng tăng. NCT ở nhóm trên 80 tuổi có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ con cái cao hơn nhóm 60 - 69 tuổi vì hệ số hồi quy ước lượng có dấu dương với mức ý nghĩa thống kê 10% ở cả khu vực thành thị và nông thôn, nhóm 70 - 79 tuổi, không phản ánh sự ảnh hưởng vì hệ số ước lượng không có ý nghĩa thống kê.

Nữ giới cao tuổi có tỷ lệ nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cao hơn nam giới, vì hệ số ước lượng có dấu dương và với ý nghĩa thống kê 10% ở cả hai mô hình ước lượng. Kết quả này cùng với kết luận của Ha Trong Nguyen (2012) về nhận tiền chuyển cá nhân từ con cái sang cho cha mẹ cao tuổi ở Việt Nam [11]. Điều này có thể được lý giải, bởi phong tục của người Việt Nam phụ nữ trong gia đình thường là người nắm giữ tiền, nên việc chuyển tiền từ con cái sang cho cha mẹ thường được đưa cho người mẹ, vì vậy khi được phỏng vấn phụ nữ sẽ trả lời nhận tiền hỗ trợ từ con cái nhiều hơn đàn ông. Kết quả nghiên cứu của Lee, Xiao (1998) về NCT của Trung Quốc sống ở thành thị và nông thôn cho kết luận khác. Nam giới thành thị có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ con cái nhiều hơn, nữ giới ở nông thôn tỷ lệ nhận hỗ trợ cao hơn nam giới với mức ý nghĩa thống kê 5% [14].

Trình độ học vấn không ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của người già cho cả mô hình thành thị và nông thôn vì hệ số ước lượng không có ý nghĩa thống kê.

Tình trạng hôn nhân thực sự ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của người già sống ở thành thị và nông thôn. Khi người già có vợ/chồng, hoặc góa/ly thân, li hôn hay nói cách khác đã từng kết hôn có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ con cái cao hơn nhóm chưa từng kết hôn, khác với mức ý nghĩa thống kê 1%, điều này cùng kết luận với nghiên cứu của Ha Trong Nguyen (2012), Abla Mehio-Sibai và cộng sự (2008).

Tỷ lệ NCT có sức khỏe yếu nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật cao hơn nhóm có sức khỏe tốt, vì kết quả ước lượng có hệ số dương và ý nghĩa thống kê 5%. Điều này hàm ý rằng, hỗ trợ từ con cái là một nguồn quan trọng để đảm bảo cuộc sống tuổi già và hạn chế rủi ro sức khỏe, bệnh tật của người già, kết quả nghiên cứu của Sarmistha Pal (2007), của Abla Mehio-Sibai và cộng sự (2008) cũng có kết luận tương tự [13][16].

Người già tham gia lao động tạo ra một khoản thu nhập để đảm bảo cuộc sống, vì vậy sẽ giảm tỷ lệ phụ thuộc vào khoản tài chính hỗ trợ từ con cái. Kết quả ước lượng với hệ số ước lượng có dấu âm, thể hiện NCT đang làm việc có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ con cái thấp hơn nhóm không làm việc ở cả khu vực thành thị và nông thôn, với mức ý nghĩa thống kê 1%.

Ảnh hưởng của nhóm yếu tố gia đình

NCT sống trong hộ nghèo hay không nghèo không ảnh hưởng đến việc nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái vì hệ số ước lượng trên cả hai mô hình (thành thị, nông thôn) không có ý nghĩa thống kê.

Hoàn cảnh sống có ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT. Cùng kết luận nghiên cứu của Giang Thanh Long và Wade D. Pfau (2010), John Knodel (2012), Ha Trong Nguyen (2012) thì việc sống cùng hay không cùng với con cháu không làm giảm tỷ lệ nhận hỗ trợ tài chính từ con cái [10][11][12]. Kết quả ước lượng cho thấy, người già sống cùng vợ/chồng, sống cùng con cháu ở cả thành thị và nông thôn có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ con cái cao hơn nhóm sống một mình, với mức ý nghĩa thống kê 5%.

Ảnh hưởng của nhóm yếu tố xã hội và cộng đồng

Tham gia hoạt động xã hội hay không tham gia, có vị thế trong cộng đồng hay không, không ảnh hưởng đến việc nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT, vì hệ số ước lượng không có ý nghĩa thống kê.

Ảnh hưởng của nhóm yếu tố an sinh xã hội và hiểu biết quyền lợi dành cho NCT

Tỷ lệ NCT có lương hưu, phúc lợi xã hội nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật thấp hơn nhóm không có lương hưu, với mô hình ước lượng thành thị hệ số ước lượng có mức ý nghĩa thống kê 10%, mô hình nông thôn có mức ý nghĩa thống kê 1%. Kết quả này vẫn trùng với kết luận của Ha Trong Nguyen (2012). Một lần nữa cho thấy lương hưu là một khoản thu nhập đảm bảo cuộc sống tuổi già quan trọng.

Có bảo hiểm y tế hay không, có kiến thức về quyền lợi dành cho NCT hay không đều không ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của người già sống ở thành thị và sống ở nông thôn.

3.2. Tác động của các nhân tố đến nhận hỗ trợ bằng tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT theo khu vực

Bảng 3. Tác động biên của các nhân tố ảnh hưởng đến nhận hỗ trợ bằng tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT theo khu vực (%)

Biến số	Thành thị	Nông thôn
<i>Yếu tố nhân khẩu học</i>		
<i>Nhóm tuổi:</i> 60 - 69 (nhóm tham chiếu)	-	-
70 - 79	0,0292	0,0194
≥ 80	0,0321*	0,0131*
<i>Giới tính:</i> Nam (nhóm tham chiếu)	-	-
Nữ	0,0626*	0,0218*
<i>Trình độ học vấn:</i>		
Dưới THPT (nhóm tham chiếu)	-	-
Trên THPT	0,0239	0,0051
<i>Tình trạng hôn nhân:</i>		
Chưa từng kết hôn, khác (nhóm tham chiếu)	-	-
Có vợ/chồng	0,4225***	0,3798***
Goá/ly thân, ly dị	0,3191***	0,3192***
<i>Tình trạng sức khỏe:</i>		
Tốt (nhóm tham chiếu)	-	-
Yếu	0,0218**	0,0658**
<i>Làm việc:</i>		
Không làm việc (tham chiếu)	-	-
Đang làm việc	-0,1484***	-0,0737***
<i>Yếu tố gia đình</i>		
<i>Hộ nghèo:</i>		
Nghèo (nhóm tham chiếu)	-	-
Không nghèo	-0,0612	0,0185
<i>Hoàn cảnh sống:</i>		
Sống một mình (nhóm tham chiếu)	-	-
Sống cùng vợ/chồng	0,1766***	0,1193***
Sống cùng con cháu	0,3608***	0,2451***
<i>Yếu tố xã hội và cộng đồng</i>		
<i>Tham gia hoạt động xã hội:</i>		
Không (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	0,0118	0,0183
<i>Vị thế NCT trong cộng đồng:</i>		
Không (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0282	-0,0392
<i>ASXH và hiểu biết quyền lợi dành cho NCT</i>		
<i>Lương hưu, phúc lợi xã hội:</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	-0,0301*	-0,0305*
<i>Bảo hiểm y tế:</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	0,0532	0,0162
<i>Kiến thức về quyền lợi giành cho NCT:</i>		
Không có (nhóm tham chiếu)	-	-
Có	0,0201	0,020

Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%
(Nguồn: Tính toán từ số liệu Điều tra BDDS 2021)

Tác động biên của nhóm yếu tố nhân khẩu học

Tỷ lệ NCT thuộc nhóm trên 80 tuổi nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cao hơn nhóm 60 - 60 tuổi: 3,21% khu vực thành thị; 1,31% khu vực nông thôn có ý nghĩa thống kê 10%. Nữ giới khu vực thành thị và khu vực nông thôn có tỷ lệ nhận hộ trợ từ con cái cao hơn nam giới, tương ứng là 6,26% và 2,18% với ý nghĩa thống kê 10%. Khu vực thành thị, tỷ lệ NCT có vợ/chồng nhận hộ trợ từ con cái cao hơn nhóm chưa từng kết hôn, khác 42,25%, nhóm góa/ly thân, ly hôn tỷ lệ nhận hộ trợ cao hơn nhóm chưa từng kết hôn 31,91%, với mức ý nghĩa thống kê 1%. Khu vực nông thôn, tình trạng hôn nhân thực sự ảnh hưởng đến nhận hộ trợ từ con cái của NCT, cụ thể: tỷ lệ nhận hộ trợ của nhóm có vợ/chồng cao hơn nhóm chưa từng kết hôn 37,98% và nhóm góa/ly thân, ly hôn cao hơn 31,92% với mức ý nghĩa thống kê 1%. Tình trạng sức khỏe yếu có tỷ lệ nhận hộ trợ con cái cao hơn nhóm có tỷ lệ sức khỏe tốt, cụ thể: khu vực thành thị cao hơn 2,18% có ý nghĩa thống kê 5%, khu vực nông thôn cao hơn 6,58% với mức ý nghĩa thống kê 1%. Làm việc có tác động ngược chiều đến nhận hộ trợ từ con cái, NCT khu vực thành thị đang làm việc có tỷ lệ nhận hộ trợ từ con cái thấp hơn nhóm không làm việc 14,84%, ở khu vực nông thôn thấp hơn 7,37% với mức ý nghĩa thống kê 1%.

Tác động biên của nhóm yếu tố gia đình

Khu vực thành thị, nhóm có hoàn cảnh sống khác có tỷ lệ nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cao hơn nhóm sống một mình: NCT sống cùng vợ/chồng cao hơn 17,66%, sống cùng con cháu cao hơn 36,08% với ý nghĩa thống kê 1%. Tương tự như vậy, ở khu vực nông thôn việc nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái có tỷ lệ cao hơn, tỷ lệ tương ứng của hai nhóm là 11,93% và 24,51% có ý nghĩa thống kê 1%. Điều đó khẳng định rằng, khi sống cùng con cháu, người già vẫn cần có sự hỗ trợ tiền mặt/hiện vật cho cuộc sống.

Tác động biên của nhóm yếu tố xã hội và cộng đồng

Các yếu tố tham gia hoạt động xã hội và vị thế của NCT trong cộng đồng không có ảnh hưởng đến nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật của NCT, vì hệ số ước lượng không có ý nghĩa thống kê.

Tác động biên của nhóm yếu tố an sinh xã hội và hiểu biết quyền lợi dành cho NCT

Lương hưu có ảnh hưởng ngược chiều đến nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cho NCT, khi có lương hưu tỷ lệ nhận hộ trợ thấp hơn khi không có lương hưu là 3,01% khu vực thành thị, 3,05% khu vực nông thôn với ý nghĩa thống kê 10%.

Như vậy, tuổi, giới tính, khu vực sống, tình trạng hôn nhân, tình trạng sức khỏe, công việc, hoàn cảnh sống, lương hưu có ảnh hưởng đến tỷ lệ nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái của NCT Việt Nam. Để đảm bảo thu nhập cho NCT chúng ta cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

Tuyên truyền và khuyến khích mô hình gia đình nhiều thế hệ sống cùng để có sự hỗ trợ lẫn nhau.

Người cao tuổi đang làm việc có tỷ lệ nhận hộ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái thấp hơn nếu không làm việc. Do đó, cần kết hợp các chính sách để khuyến khích NCT tham gia lao động.

Có chính sách và các chương trình phổ biến rộng rãi để người trẻ hiện nay có ý thức về an sinh thu nhập cho tuổi già và tự nguyện thực hiện bảo hiểm hưu trí.

Nên động viên hỗ trợ gia đình có người cao tuổi sinh sống, tạo điều kiện cho con cái của người cao tuổi điều kiện tài chính và phi tài chính để sản xuất kinh doanh gia tăng thu nhập, để hỗ trợ cha mẹ già.

Tuyên truyền ý thức cho người già và con cháu họ về vai trò và lợi ích của bảo hiểm y tế cho việc chăm sóc sức khỏe tuổi già.

Trang bị ý thức tiết kiệm cho người trưởng thành để tuổi già có thể tự chủ nguồn thu nhập của mình.

4. KẾT LUẬN

Hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cái cho cha mẹ già là một nguồn thu nhập quan trọng và cần thiết của NCT, nếu không nó chuyển phần thu nhập đó sang cho nguồn an sinh xã hội của Chính phủ. Với một quốc gia mà trợ cấp xã hội và hưu trí chưa phổ rộng hiện nay thì an sinh thu nhập tuổi già trở thành áp lực lớn cho Chính phủ. Khu vực nông thôn, NCT vẫn phải dựa vào sự hỗ trợ tiền mặt/hiện vật từ con cháu nhiều hơn. Với điều kiện kinh tế của khu vực nông thôn thu nhập bình quân thấp, nên khi còn trẻ người dân không có điều kiện tiết kiệm, do đó tuổi già phụ thuộc vào sự hỗ trợ của con cái nhiều hơn khu vực thành thị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thế Cường, Trương Sĩ Ánh, Daniel Goodkind (1998), *Sắp xếp đời sống gia đình ở người Việt cao tuổi: Một so sánh giữa hai vùng đất nước*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần 1-4.
- [2] Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (VWU), Viện Nghiên cứu Y xã hội học (ISMS), Công ty nghiên cứu và Tư vấn Đông Dương (IRC) (2012), *Kết quả điều tra Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam*, tổ chức ngày 04/05/2012.
- [3] Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2004), *Thực trạng đời sống và tham gia hội phụ nữ của phụ nữ cao tuổi Việt Nam*.
- [4] Tổng cục Thống kê (2021), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam*, Nxb. Tổng cục Thống kê, Hà Nội.
- [5] UNFPA (2021), *Người cao tuổi Việt Nam: Phân tích từ điều tra biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021*, Hà Nội.
- [6] Abla Mehio Sibai, May A. Beydoun, Rania A. Tohme (2008), *Living arrangements of ever - married older Lebanese women: is living with married children Advantageous?*, Cross Cult Gerontol (2009) 24:5 -17.
- [7] Charles R. Pieret (2006), *The 'sandwich generation': women caring for parents and children*, Monthly Labor Review.
- [8] Florence Bonnet, Uma Rani and Marianne Furrer (2016), *Poverty and the world of work*, A global overview of trends, p.6 - 43
- [9] Gassman Franziska and Christina Behrendt (2006), *Cash Benefits in Low-income Countries: Simulating the Effects on Poverty Reduction for Senegal and Tanzania*, Discussion Paper 15, Social Security Department, International Labor Office (ILO). Geneva: ILO.

- [10] Giang Thanh Long and Wade D. Pfau (2010), *Patterns and determinants of living arrangements for the elderly in Vietnam*, MPRA paper No. 24949, posred 13.
- [11] Ha Trong Nguyen (2012), *Monetary Transfers from Children and the Labour Supply of Elderly Parents: Evidence from Vietnam*, IZA Discussion Paper, No. 6974.
- [12] John Knodel, October (2012), *The future of family support for Thai elderly: Views of the populace*, Population Studies Center Research Report 12(779).
- [13] Sharmistha Pal (2007), *Effects of intergenerational transfers on elderly coresidence with adult children: evidence from rural India*, IZA Discussion paper No. 2847.
- [14] Yean-Ju Lee, Zhenyu Xiao (1998), *Children's support for elderly parents in urban and rural China: Results from a national survey*, Journal of Cross-Cultural Gerontology, (13):39-62.

ANALYSIS OF FACTORS INFLUENCING THE RECEIPT OF CASH OR IN-KIND ASSISTANCE FROM CHILDREN AMONG THE ELDERLY IN VIETNAM, DIFFERENTIATED BY REGIONAL CHARACTERISTICS

Nguyen Thi Hong Diep, Le Thi Hanh, Nguyen Thi Nhung

ABSTRACT

The income of elderly individuals can originate from multiple sources, encompassing labor participation, state budget allocations, assistance from their children, and personal earnings. Nevertheless, as the health of the elderly deteriorates and healthcare demands rise, ensuring the financial well-being of this demographic becomes imperative. This article aims to provide a concise evaluation of the distinct factors influencing the income security of the elderly, specifically focusing on the receipt of cash or in-kind support from their children. Using the Propit model, an analysis is conducted to examine the factors affecting the rate of cash or in-kind assistance of elderly parents residing in rural and urban areas in Vietnam receiving from their children. The analysis draws upon data from the 2021 Population Change Survey conducted by the General Statistics Office.

Keywords: *Elderly individuals, financial support from children, Vietnam.*

* Ngày nộp bài: 19/5/2023; Ngày gửi phản biện: 31/5/2023; Ngày duyệt đăng: 13/6/2024